TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2026/DS-ST
Ngày 26-6-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hoàng Diễm, Bà Phạm Thị Em

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ấm - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 287/2025/TLST - DS ngày 31 tháng 10 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2026/QĐXXST – DS ngày 25/5/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 311/2026/QĐST-DS ngày 10/6/2026. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987; Địa chỉ: khu phố TS4, phường BT, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn H, sinh năm 1957; Địa chỉ: 66B2, khu phố 4, phường PK, tỉnh Vĩnh Long. Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 13/9/2025 (xin vắng mặt)

- *Bị đơn:*

1. Lâm Kim L, sinh năm 1983; Nơi cư trú: khu phố TS 4, phường BT, tỉnh Vinh Long (vắng mặt)

2. Lâm Thanh B, sinh năm 2003; Nơi cư trú: khu phố TS 4, phường BT, tỉnh Vinh Long (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thanh T và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn Học trình bày:

Ngày 11/7/2023, bà Lâm Kim L và anh Lâm Thanh B có vay của ông Nguyễn Thanh T số tiền 100.000.000 đồng, khi vay có lập "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 11/7/2023, không thể hiện thời gian trả nợ cũng không thể hiện thỏa thuận lãi suất trên giấy vay tiền nhưng nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất

1%/tháng, khi nào ông T yêu cầu thì bà L và anh B phải trả lại cho ông T. Với khoản vay này thì bà L và anh B đã trả được số tiền 40.000.000 đồng. Từ thời điểm vay đến thời điểm ngày 26/7/2024 có tháng bà L, anh B trả tiền lãi, có tháng không trả được.

Ngày 15/9/2023 bà L nói bà L và anh B cần vay số tiền 80.000.000 đồng, ông T đã đồng ý cho bà L và anh B vay số tiền này, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, khi nào ông T yêu cầu thì bà L và anh B phải trả số tiền này. Tuy nhiên, khi đến nhận tiền thì chỉ có bà L ký nhận mà anh B không đến nên cũng không có ký vào "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" ngày 15/9/2023, trên văn bản này cũng không thể hiện lãi suất.

Ngày 26/7/2024 bà Lâm Kim L có vay của ông Nguyễn Thanh T số tiền 50.000.000 đồng và khoản tiền nợ 140.000.000 đồng vay vào ngày 11/7/2023 và 15/9/2023 nên trong “Giấy vay tiền và cam kết trả nợ, tại dòng chữ “số tiền”, ông Nguyễn Thanh T ghi “50.000.000 với số tiền củ 140.000.000. Tổng cộng là Một trăm chín mươi triệu đồng” và bà Lâm Kim L có ký tên, ghi họ tên dưới dòng chữ “người mượn tiền”. Tại dòng “ghi chú” bà L có tự viết thêm nội dung “có đọc, có nhận đủ 50T”. Thời hạn của khoản vay này là 2 tháng tức ngày 26/9/2024 phải trả nhưng viết nhầm trong giấy vay tiền thời hạn trả trùng với ngày vay là 26/7/2024. Thỏa thuận lãi suất 1%/tháng nhưng không thể hiện trên giấy vay tiền mà chỉ thỏa thuận miệng.

Ngày 07/9/2024 bà Lâm Kim L có vay thêm của ông Nguyễn Thanh T số tiền 30.000.000 đồng, thời gian phải trả là 07/12/2024, trong "giấy vay tiền và cam kết trả nợ" không có thể hiện lãi suất, mục đích vay là cần vốn kinh doanh, lãi thỏa thuận miệng với nhau là 1%/tháng, bà Lâm Kim L có ký tên, ghi họ tên dưới dòng chữ “người mượn tiền”.

Trong đơn khởi kiện, ông T yêu cầu bà Lâm Kim L cùng con là Lâm Thanh B phải liên đới trả khoản tiền gốc vay theo giấy vay ngày 26/7/2024 là 190.000.000 đồng cùng 14 tháng tiền lãi tính từ ngày 26/7/2024 đến 26/9/2025 với mức lãi suất 1%/tháng là 26.600.000 đồng, tổng cộng 216.600.000 đồng; yêu cầu bà L và anh B phải liên đới trả khoản tiền vay ngày 07/9/2024 là 30.000.000 đồng cùng 13 tháng tiền lãi tính từ ngày 07/9/2024 đến 07/10/2025 với mức lãi suất 1%/tháng là 3.900.000 đồng tổng cộng là 33.900.000 đồng. Tổng cộng hai khoản vay cả gốc và lãi mà nguyên đơn yêu cầu bà Lâm Kim L và anh Lâm Thanh B phải liên đới trả là 250.500.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện bổ sung, nguyên đơn yêu cầu Tòa án phải buộc bà Lâm Kim L và anh Lâm Thanh B phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền 190.000.000 đồng theo mức lãi suất 1% kể từ ngày 26/7/2024 đến khi xét xử; yêu cầu bà L và anh B phải chịu khoản tiền lãi của số tiền 30.000.000 đồng theo mức

lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 07/9/2024 đến khi xét xử.

Tại đơn xin trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa, phía nguyên đơn yêu cầu bà Lâm Kim L và anh Lâm Thanh B liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng đối với khoản vay ngày 11/7/2023, yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 26/7/2024 đến khi xét xử; Yêu cầu bà Lâm Kim L phải trả cho nguyên đơn số tiền 160.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 26/7/2024 đến khi xét xử đối với số tiền 130.000.000 đồng; yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 26/9/2025 đến khi xét xử đối với số tiền 30.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lâm Kịm L và anh Lâm Thanh B vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho Tòa án ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã tuân thủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 357; 463, 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lâm Kim L và anh Lâm Thanh B phải liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 71.500.000 đồng trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng và 11.500.000 đồng tiền lãi; Buộc bà Lâm Kim L phải hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 190.324.900 đồng trong đó nợ gốc là 160.000.000 đồng và 30.324.900 đồng tiền lãi. Bà Lâm Kim L và anh Lâm Thanh B phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.575.000 đồng; Bà Lâm Kim L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.516.000 đồng. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long.

[1] Xét thấy bị đơn Lâm Kim L và Lâm Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do, phía nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Lâm Kim L và ông Lâm Thanh B liên đới trả cho ông số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 26/7/2024 đến khi xét xử; yêu cầu bà Lâm Kim L phải trả cho ông số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 26/7/2024 đối với số tiền 130.000.000 đồng, từ ngày 07/9/2024 đối với số tiền 30.000.000 đồng đến khi xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn khởi kiện có cung cấp cho Tòa án 04 "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" trong đó thể hiện bà L và anh B

cùng ký vào "Bên mượn tiền" tại "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" ngày 11/7/2023 với số tiền vay là 100.000.000 đồng; bà L ký vào "Bên mượn tiền" tại "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" ngày 15/9/2023 với số tiền vay 80.000.000 đồng, "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" ngày 26/7/2024 với số tiền 190.000.000 đồng và "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" ngày 07/9/2024 với số tiền 30.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 95 và khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì "đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Tuy nhiên, phía bị đơn vẫn không thể hiện sự phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp tài liệu chứng cứ chứng minh cho sự phản đối mặc dù đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bản sao chụp 04 "Giấy vay tiền và cam kế trả nợ" mà nguyên đơn giao nộp, thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ của Tòa án yêu cầu bà L và anh B cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ chứng minh bà L và anh B không có vay, không có nghĩa vụ trả nợ như thể hiện tại các giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp, nhưng bà L và anh B vẫn không cung cấp cho Tòa án.

[3] Đối với khoản vay 100.000.000 đồng thể hiện tại Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" ngày 11/7/2023 phía nguyên đơn xác định bà L và anh B đã trả cho ông T được số tiền 40.000.000 đồng nên khoản vay này còn lại là 60.000.000 đồng. Bà L và anh B đã được tống đạt hợp lệ thông báo về yêu cầu giao nộp chứng cứ chứng minh bà L bà anh B không có nợ cũng không có nghĩa vụ trả nợ nhưng các bị đơn không có ý kiến. Do đó, có căn cứ xác định ngày 11/7/2023 bà L và anh B có vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng, đã trả được 40.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 60.000.000 đồng nên có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông T số tiền này. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn với mức lãi suất 10%/tháng thấy rằng tại "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" không thể hiện về lãi suất, theo nguyên đơn trình bày các bên thỏa thuận miệng lãi suất 1% nhưng không cung cấp được chứng cứ. Tại đơn trình bày ý kiến và xin giải quyết vắng mặt, phía nguyên đơn xác định thay đổi yêu cầu tính lãi so với yêu cầu ban đầu, chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận, buộc bà Lâm Kim L và anh Lâm Thanh B phải liên đới chịu tiền lãi đối với số nợ gốc tính từ ngày 26/7/2024 đến ngày xét xử là 11.500.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà Lâm Kim L phải trả số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 26/7/2024 đối với số tiền 130.000.000 đồng, từ ngày 07/9/2024 đối với số tiền 30.000.000 đồng đến khi xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy tại "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" ngày 15/9/2023 bà L ký, ghi họ tên xác nhận vào "Bên mượn tiền" với số tiền 80.000.000 đồng nên có cơ sở xác định ngày 15/9/2023 bà L có vay của ông T số tiền 80.000.000 đồng. Tại "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" ngày 26/7/2024 bà L ký, ghi họ tên xác nhận vào "Bên mượn tiền" số tiền "50.000.000 đồng với số tiền cũ 140.000.000 đồng. Tổng cộng là Một trăm chín mươi triệu

đồng", tại dòng "ghi chú" sau khi ký ghi họ tên, bà L ghi nội dung "có đọc có nhận đủ 50T" nên có cơ sở xác định ngày 26/7/2024 bà L có vay thêm của ông T số tiền 50.000.000 đồng. Tại "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" ngày 07/9/2024 bà L ký, ghi họ tên xác nhận vào "Bên mượn tiền" với số tiền 30.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định bà L còn nợ ông T số tiền 160.000.000 đồng tiền nợ gốc nên cần buộc bà L trả lại số tiền này cho nguyên đơn. Xét yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 26/7/2024 đối với số tiền 130.000.000 đồng, từ ngày 07/9/2024 đối với số tiền 30.000.000 đồng đến khi xét xử thấy rằng bà L không cung cấp chứng cứ chứng minh bà đã thanh toán xong nợ gốc cũng như nợ lãi, yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm từ ngày vay đến khi xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên buộc bà L phải trả cho ông T số tiền lãi của số nợ gốc 130.000.000 đồng là 24.916.600 đồng, tiền lãi của số nợ gốc 30.000.000 đồng là 5.408.300 đồng.

[5] Bà Lâm Kim L và anh Lâm Thanh B có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ ông T 71.500.000 đồng nên phải liên đới chịu án phí là 3.575.000 đồng. Bà L có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 190.324.900 đồng nên phải chịu án phí là 9.516.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 440, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 226, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T.

Buộc bà Lâm Kim L và anh Lâm Thanh B phải liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 71.500.000 đ (Bảy mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng và 11.500.000 đồng tiền lãi.

Buộc bà Lâm Kim L phải hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 190.324.900đ (Một trăm chín mươi triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm đồng) trong đó nợ gốc là 160.000.000 đồng và 30.324.900 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Buộc bà Lâm Kim L và anh Lâm Thanh B phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.575.000 đồng (Ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Buộc bà Lâm Kim L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.516.000 đ (Chín triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền tạm ứng án phí 6.263.000 đồng và 300.000 đồng đã nộp tại các biên lai thu tạm ứng án phí số 0007027 ngày 23/10/2025 và 0006884 ngày 13/4/2026.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKS ND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKS ND Khu vực 5 – Vĩnh Long (1b);
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 – Vĩnh Long (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu HS, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Lăng